

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2019/DS-ST
Ngày 01 - 3 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vòng

Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-DS ngày 29/01/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật ông T – Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: ông Tr – Giám đốc Ngân hàng N- chi nhánh Quảng Bình; người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông T – Phó giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: phường H, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản ủy quyền số: 03/UQ-QTr ngày 05/6/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Th, sinh năm 1959 và bà Lại Thị T, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: thôn H, xã B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Ông, bà có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2018, bản tự khai ngày 01/8/2018 và qua các phiên hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ngân hàng N chi nhánh Quảng Bình và vợ chồng ông Trương Th, bà Lại Thị T đã ký Hợp đồng tín dụng số 18/2016/HĐTD ngày 04/3/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 18A/2016/HĐTD ngày 14/11/2016 với nội dung ông Trương Th và bà Lại Thị T vay của Ngân hàng số tiền 15.855.500.000 đồng thời hạn vay 16 năm, mục đích vay vốn: Đóng mới tàu cá lưới rê vỏ thép công suất 811CV theo nghị định 67/2014/NĐ-CP của thủ tướng chính phủ ngày 07/07/2014. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là: 7%/ năm (trong đó lãi suất chủ tàu phải trả là 1%, lãi suất nhà nước hỗ trợ 6% theo nghị định 67/2017/NĐ-CP ngày 07/07/2014). Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, Ngân hàng đã ký với Ông Trương Th - Bà Lại Thị T các Hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 18/2016/HĐTC ngày 04/03/2016 được ký Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với ông Trương Th - Bà Lại Thị T (Bên thế chấp) với tài sản được hình thành theo hợp đồng kinh tế số: 08/01-16/ĐM-KD ngày 08/01/2016 được ký giữa DNTN CKCN Tàu Thủy Nguyễn Văn T với Ông Trương Th.

+ Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 105/2016/HĐBS ngày 14/11/2016 được ký giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với Ông Trương Th - Bà Lại Thị T (Bên thế chấp) với tài sản thế chấp đã hình thành sau thời gian đóng tàu được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60630; số đăng ký QB-91577-TS; tên tàu Tiến T 77; chủ tàu Trương Th; nơi thường trú, xã B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá ngày 11 tháng 11 năm 2016.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng nói trên, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân tại các giấy nhận nợ từ ngày 11/3/2016 đến ngày 26/10/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Trương Th và bà Lại Thị T đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là: 748.909.000 đồng lãi 174.372.404. Ngày 04/03/2018, đến hạn trả nợ kỳ thứ 2 với số tiền: 528.909.000 đồng, ông Th, bà Th không trả nợ vay cho ngân hàng, đã chuyển thành nợ xấu từ ngày 04/06/2018 với toàn bộ dự nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2019 là 15.323.371.879 đồng; trong đó nợ gốc: 15.105.783.000 đồng, nợ lãi trong hạn 134.591.488 đồng; nợ lãi quá hạn 82.997.391 đồng.

Đề nợ quá hạn lâu ngày, Ngân hàng đã nhiều lần đòi nợ, gia hạn thời gian trả nợ nhưng ông Th, bà Th luôn trốn tránh và thiếu thiện chí hợp tác trong thực hiện nghĩa trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu ông Trương Th và bà Lại Thị T trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên. Trường hợp ông Trương T và bà Lại Thị T không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Trương Th và bà Lại Thị T thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ nêu trên, tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Yêu

cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Trương Th và bà Lại Thị T.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Th và bà Lại Thị T hoàn toàn thừa nhận các nội dung đã ký kết với Ngân hàng tại các Hợp đồng tín dụng số 18/2016/HĐTD ngày 04/3/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 18A/2016/HĐTD ngày 14/11/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai đúng như sự trình bày của Ngân hàng. Sau khi nhận tiền giải ngân từ Ngân hàng, vợ chồng ông Th, bà T đã sử dụng đúng mục đích. Tuy nhiên, chịu ảnh hưởng sau sự cố Fomusa năm 2015 kèm theo hoàn cảnh ngư trường đánh bắt bị xâm chiếm nên việc đánh bắt không hiệu quả. Tàu bị rỉ sét hư hỏng chi phí sửa chữa lớn ảnh hưởng đến thu nhập. Giá dầu lên cao và có thời gian Ngân hàng đình chỉ không cho tàu đi biển 03 tháng khiến ông Th, bà T gặp khó khăn, không có khả năng thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Ông Th, bà T đồng ý số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh mà phía Ngân hàng đã trình bày và có nguyện vọng được trả nợ dần cho Ngân hàng mỗi năm 200.000.000 đồng. Nếu phía Ngân hàng không đồng ý với phương án trả nợ nêu trên thì ông Th bà T đồng ý giao tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Th, bà T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng N và hộ gia đình có trụ sở và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các bên đương sự đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết các nội dung tranh chấp, do đó Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Quyết định xét xử vụ án số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 03/01/2019, mở phiên tòa vào ngày 29/01/2019. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 29/01/2019, ông Trương Th và bà Lại Thị T vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do đi đánh bắt xa bờ không có mặt tại địa phương nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số

05/2019/QĐST-DS ngày 29/01/2019, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 01/3/2019 và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 01/3/2019 các bên đương sự có mặt, HĐXX xét xử vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét các Hợp đồng tín dụng số 18/2016/HĐTD ngày 04/3/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 18A/2016/HĐTD ngày 14/11/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Trương Th và bà Lại Thị T, Hội đồng xét xử thấy:

Toàn bộ hồ sơ vay vốn cũng như hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự là bị đơn ông Trương Th và bà Lại Thị T ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự 2005 và Luật các tổ chức tín dụng 2010, ông Trương Th và Lại Thị T có lập giấy đề nghị vay vốn, tham gia vào việc định giá tài sản thế chấp, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, ông Th, bà T đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trương Th và bà Lại Thị T chỉ mới trả được 923.281.404 đồng tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Từ ngày 04/3/2018 đến nay, ông Th và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 04/6/2018.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu ông Th và bà T trả nợ, nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho ông Th, bà T trả nợ nhưng ông bà vẫn chưa thực hiện việc trả nợ đã vi phạm các điều khoản của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặt khác, tại Khoản 2 Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 18/2016/HĐTD ngày 04/3/2016 và Điều 4 Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai đã thỏa thuận, bên nhận thế chấp được xử lý tài sản để thu hồi nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía bị đơn xin trả nợ dần với số tiền 200.000.000 đồng/năm. Phía đại diện nguyên đơn không đồng ý với phương án trả nợ trên và yêu cầu ông Th, bà T phải trả 1.057.818.000 đồng/năm như đã thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký kết.

Xét thấy phương án trả nợ của ông Th, bà T không phù hợp với các thỏa thuận đã ký kết, ảnh hưởng đến tiến trình thu hồi vốn vay của Ngân hàng, thời hạn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nhưng ông Th, bà T không thực hiện việc trả nợ. Do đó, cần buộc ông Th, bà T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với toàn bộ dư nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2019 là 15.323.371.879 đồng; trong đó nợ gốc: 15.105.783.000 đồng, nợ lãi trong hạn 134.591.488 đồng; nợ lãi quá hạn 82.997.391 đồng.

[4] Về tài sản đảm bảo cho các khoản vay của ông Th, bà T là tài sản được hình thành trong tương lai tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai

số 18/2016/HĐTC ngày 04/03/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 105/2016/HĐBS ngày 14/11/2016, xác định tài sản sau khi hình thành qua 02 Hợp đồng trên là tàu đánh cá vỏ thép mang tên Tiến T 77 do ông Trương Th làm chủ tàu, công suất 811CV, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60630, số đăng ký QB-91577-TS, Cơ quan đăng ký: Chi cục thủy sản Quảng Bình ngày 11 tháng 11 năm 2016. Trường hợp ông Trương Th và bà Lại Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các nội dung đã cam kết trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì cần xử lý tài sản nêu trên để thu hồi vốn vay cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Ông Th, bà T phải chịu án phí là 112.000.000đ và phần vượt quá 4.000.000.000đ là $15.323.371.879đ - 4.000.000.000đ = 11.323.371.879đ \times 0,1\% = 11.323.000đ + 112.000.000đ = 123.323.000đ$ để sung quỹ Nhà nước. Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và các Điều 281, 285, 286, 290, 302, 305, 318, 342, 343, 344, 350, 351, 355 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Trương Th và bà Lại Thị T phải trả cho Ngân hàng N tính đến ngày 01/3/2019 với tổng số tiền nợ gốc và lãi là 15.323.371.879 đồng (Mười lăm tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn, tám trăm bảy mươi chín đồng); trong đó nợ gốc: 15.105.783.000 đồng, nợ lãi trong hạn 134.591.488 đồng; nợ lãi quá hạn 82.997.391 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/3/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Trường hợp ông Trương Th và bà Lại Thị T không trả hết số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp là tàu đánh cá được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60630; số đăng ký QB-91577-TS; tên tàu Tiến T 77;

chủ tàu Trương Th; nơi thường trú, xã B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá ngày 11 tháng 11 năm 2016.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Trương Th và bà Lại Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 123.323.000đ để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 61.683.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000479 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc

